

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49 /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 11 - 2018

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thanh Thúy
- *Các Hội thẩm Tòa án nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Tiến Tập
2. Bà Vũ Thị Xuyên
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Chung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2018 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2018/QĐST - HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tổ 4, khu 12, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ 4, khu 12, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 10 tháng 8 năm 2018, bản tự khai ngày 12 tháng 9 năm 2018, đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện về phần cấp dưỡng con chung ngày 24 tháng 10 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích P và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn ngày 04 tháng 10 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, trên cơ sở hai bên cùng tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh T mãi chơi, không có trách nhiệm với gia đình. Mặc dù, chị P và gia đình hai bên nội, ngoại khuyên nhủ nhưng anh T không thay đổi, ngày càng đi vào con đường sai trái và có biểu hiện bất bình thường vì có sử dụng chất kích thích. Từ năm 2014, chị P và các con đã chuyển về nhà ngoại ở để đảm bảo an toàn cho các con. Chị P thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Chị P và anh T có 03 con chung là cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2010, cháu Nguyễn Long N, sinh ngày 29 tháng 7 năm 2012 và cháu Nguyễn Phương V, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2014. Chị P đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung vì các cháu còn nhỏ, đều cần sự chăm sóc của mẹ, chị cũng có thu nhập và có sự hỗ trợ từ phía gia đình để nuôi dưỡng con. Đối với việc cấp dưỡng con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị sẽ tự thỏa thuận với anh T.

Về tài sản chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí đã tổng đạt hợp lệ văn bản Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập cho bị đơn anh Nguyễn Văn T đến Tòa án để làm việc. Tuy nhiên, anh T đều vắng mặt không có lý do và không thể hiện ý kiến gì về việc giải quyết vụ án.

Toà án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị P và anh T, kết quả như sau:

Tại biên bản xác minh ngày 26/10/2018, gia đình chị P xác nhận: Chị P và anh T kết hôn năm 2010, sau khi kết hôn chị P, anh T chung sống tại nhà bố mẹ anh T. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc đến năm 2012 bắt đầu có xích mích, đến năm 2014 mâu thuẫn trầm trọng do anh T sử dụng ma túy đá, tinh thần bất bình thường, không còn quan tâm đến vợ con. Gia đình đã khuyên nhủ nhưng anh T không thay đổi. Nay chị P xin ly hôn với anh T, gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật và cho chị P được nuôi cả 03 con chung vì các cháu còn nhỏ, hiện đang ở ổn định cùng mẹ và gia đình nhà ngoại.

Tại biên bản xác minh ngày 26/10/2018, gia đình anh T xác nhận: Chị P và anh T đã sống ly thân từ năm 2016, nguyên nhân từ mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống. Nếu chị P xin ly hôn thì chị P và anh T tự quyết định về tình cảm và nuôi con.

Biên bản xác minh ngày 26/10/2018 tại tổ 4, khu 12, phường Q, U, tỉnh Quảng Ninh là nơi chị P và anh T từng ở cùng nhau, đại diện của tổ dân khu phố cho biết không rõ nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị.

Tại biên bản lấy lời khai con chung (từ 7 tuổi trở lên) của đương sự ngày 18 tháng 9 năm 2018, cháu Nguyễn Trung K trình bày nếu bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Ngày 26/11/2018, chị P có đơn xin xử vắng mặt tại phiên tòa và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu như đã thể hiện trong quá trình giải quyết vụ án. Anh T vắng mặt tại phiên tòa không có quan điểm thể hiện.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn từ khi Tòa án thụ lý và tại phiên tòa sơ thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ. Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do. Căn cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa.

Về nội dung: Xác định mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị Bích P và anh Nguyễn Văn T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị P được ly hôn với anh T. Về con chung: Căn cứ điều kiện nuôi con, nguyện vọng của con, đề nghị giao con chung cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2010, cháu Nguyễn Long N, sinh ngày 29 tháng 7 năm 2012 và cháu Nguyễn Phương V, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2014 và về cấp dưỡng, tài sản chung chị P không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của các đương sự, đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Bích P khởi kiện vụ án dân sự “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*”, bị đơn – anh Nguyễn Văn T có địa chỉ cư trú tại tổ 4, khu 12, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Chị Nguyễn Thị Bích P có đơn xin xử vắng mặt tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung cần giải quyết của vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án xác định: Nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Bích P và bị đơn – anh Nguyễn Văn T kết hôn hợp pháp năm 2010 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, trên cơ sở hai bên cùng tự nguyện. Chị P, anh T chung sống hạnh phúc

đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T quá chơi bời, buông thả và không quan tâm đến vợ con. Mặc dù, chị P và gia đình khuyên nhủ nhưng anh T không thay đổi, từ năm 2016 chị P đã đưa các con về nhà ngoại sinh sống, từ đó đến nay anh T cũng không thăm nom, có trách nhiệm với các con. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt không lý do. Qua đó, thể hiện anh T không thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng chị P, anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không thể tồn tại kéo dài nên yêu cầu xin ly hôn của chị P đối với anh T là hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị P đề nghị được nuôi 03 con chung là cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2010, cháu Nguyễn Long N, sinh ngày 29 tháng 7 năm 2012 và cháu Nguyễn Phương V, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2014. Hội đồng xét xử, xét thấy cả 03 cháu còn nhỏ, đang ở ổn định cùng mẹ và gia đình nhà ngoại; việc chăm sóc, nuôi dưỡng, học hành của các cháu có mẹ đẻ chị P hỗ trợ. Chị P làm tại Công ty LG Hải Phòng có xác nhận thu nhập khoảng 9.000.000 đồng/ tháng và nguyện vọng của cháu lớn Nguyễn Trung K là muốn ở cùng mẹ. Trong quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh thấy rằng anh T thường xuyên vắng nhà, chỗ ở không ổn định và anh T cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con chung khi ly hôn nên căn cứ vào các điều kiện để nuôi con, nguyện vọng của con, cũng như để đảm bảo sự phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần của con chung, chấp nhận yêu cầu của chị P, giao 03 con chung cháu Nguyễn Trung K, Nguyễn Phương V, Nguyễn Long N cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về việc cấp dưỡng, chị P xin thay đổi nội dung khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng, Hội đồng xét xử thấy rằng, việc thay đổi của chị P là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, việc cấp dưỡng con chung sẽ do chị P tự thỏa thuận với anh T.

[2.3] Về tài sản chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị P phải nộp án phí theo quy định.

[3] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244; Điều 266; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điều a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích P được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2010, cháu Nguyễn Long N, sinh ngày 29 tháng 7 năm 2012 và cháu Nguyễn Phương V, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2014 cho chị Nguyễn Thị Bích P trực tiếp nuôi kể từ tháng 11 năm 2018 cho đến khi 03 con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng chị P tự thỏa thuận với anh T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở nhưng anh T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích P phải nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) vào ngân sách Nhà nước (được trừ án phí bằng tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d theo biên lai thu 0000501 ngày 21 tháng 8 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh).

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tp. Uông Bí;
- Chi cục THA dân sự tp. Uông Bí;
- UBND phường Q, tp. U, tỉnh Quảng Ninh (nơi ĐKKH).
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thanh Thuý

